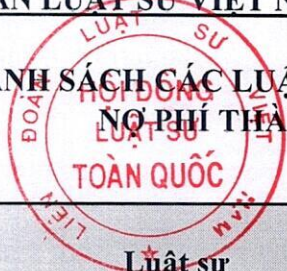


**LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM**

**DANH SÁCH CÁC LUẬT SƯ THUỘC ĐOÀN LUẬT SƯ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
NGỒI PHÍ THÀNH VIÊN LIÊN ĐOÀN TÍNH ĐẾN NGÀY 15/02/2025  
( Từ 12 tháng đến dưới 18 tháng)**



STT	Luật sư	Ngày sinh	Số thẻ luật sư	Phí thành viên năm 2024	Phí thành viên năm 2023	Tổng cộng
1	ĐỖ MẠNH KIẾT	29/03/1986	19.155	1.200.000	500.000	1.700.000
2	DANH THANH HOÀNG	08/05/1990	19.543	1.200.000	500.000	1.700.000
3	NGUYỄN TRƯỜNG THỌ	12/05/1995	19.553	1.200.000	500.000	1.700.000
4	MAI KIM TRÚC	23/02/1988	10.514	1.200.000	400.000	1.600.000
5	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	11/09/1992	19.843	1.200.000	400.000	1.600.000
6	TRƯƠNG ANH TUẤN	06/11/1992	20.001	1.200.000	400.000	1.600.000
7	PHẠM TRẦN HUY	13/07/1970	5.374	1.200.000	300.000	1.500.000
8	NGUYỄN THỊ XUÂN PHƯỢNG	19/01/1976	5.757	1.200.000	300.000	1.500.000
9	DƯƠNG ANH KHOA	14/04/1984	15.186	1.200.000	300.000	1.500.000
10	HUỲNH NGUYỄN HUY	17/10/1994	16.687	1.200.000	300.000	1.500.000
11	NGUYỄN DUY VŨ	18/10/1974	20.039	1.200.000	300.000	1.500.000
12	TRẦN XUÂN ĐỨC	13/04/1982	15.170	1.200.000	200.000	1.400.000
13	PHAN THỊ THÚY DIỄM	18/03/1996	20.210	1.200.000	200.000	1.400.000
14	BÙI VĨNH LONG	04/04/1988	20.228	1.200.000	200.000	1.400.000
15	HUỲNH MINH PHÁP	15/10/1992	20.235	1.200.000	200.000	1.400.000
16	TRẦN THỊ KIM HOÀNG	02/09/1979	328	1.200.000	0	1.200.000
17	LÊ THÀNH DŨNG	12/10/1967	450	1.200.000	0	1.200.000
18	NGUYỄN THIỆN ĐỨC	13/10/1978	778	1.200.000	0	1.200.000
19	PHẠM HỮU GIÁO	28/07/1973	789	1.200.000	0	1.200.000
20	NGUYỄN VĂN TÀI	12/11/1972	943	1.200.000	0	1.200.000
21	NGUYỄN THỊ HIỀN ANH	14/01/1963	2.165	1.200.000	0	1.200.000
22	NGUYỄN THANH BA	09/09/1962	2.197	1.200.000	0	1.200.000
23	PHẠM VĂN BẰNG	06/11/1974	2.210	1.200.000	0	1.200.000
24	NGUYỄN THỊ MINH CHÂU	25/07/1951	2.259	1.200.000	0	1.200.000
25	TRẦN NGỌC CHÂU	16/04/1982	2.261	1.200.000	0	1.200.000
26	TRƯƠNG VĂN CÓN	20/05/1950	2.299	1.200.000	0	1.200.000
27	TRẦN VĂN CƯỜNG	11/05/1975	2.314	1.200.000	0	1.200.000
28	TRẦN NGỌC DANH	03/01/1961	2.325	1.200.000	0	1.200.000
29	NGUYỄN THẾ DUÂN	13/03/1969	2.339	1.200.000	0	1.200.000

STT	Luật sư	Ngày sinh	Số thẻ luật sư	Phí thành viên năm 2024	Phí thành viên năm 2023	Tổng cộng
30	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUNG	29/07/1976	2.345	1.200.000	0	1.200.000
31	NGUYỄN TIỀN DŨNG	13/01/1966	2.358	1.200.000	0	1.200.000
32	NGUYỄN ANH DŨNG	12/05/1952	2.362	1.200.000	0	1.200.000
33	NGUYỄN TÍNH DŨNG	10/12/1969	2.370	1.200.000	0	1.200.000
34	TRẦN ĐỨC DŨNG	30/12/1967	2.383	1.200.000	0	1.200.000
35	NGUYỄN HƯỚNG DƯƠNG	14/11/1978	2.395	1.200.000	0	1.200.000
36	HỒ THÀNH ĐẠI	09/09/1977	2.406	1.200.000	0	1.200.000
37	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	01/09/1957	2.418	1.200.000	0	1.200.000
38	TRƯƠNG MINH ĐẠO	25/09/1969	2.421	1.200.000	0	1.200.000
39	VŨ PHÚC ĐÌNH	07/10/1966	2.444	1.200.000	0	1.200.000
40	PHẠM XUÂN ĐÔNG	23/12/1967	2.452	600.000	600.000	1.200.000
41	NÔNG MINH ĐỨC	24/10/1977	2.460	1.200.000	0	1.200.000
42	NGUYỄN MINH ĐƯỜNG	20/11/1978	2.475	1.200.000	0	1.200.000
43	HUỲNH HOA TÔ GIANG	25/01/1971	2.487	1.200.000	0	1.200.000
44	LÊ VIỆT HÀ	21/11/1961	2.494	1.200.000	0	1.200.000
45	NGUYỄN VĂN HIỀN	05/06/1967	2.575	1.200.000	0	1.200.000
46	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	12/02/1978	2.578	1.200.000	0	1.200.000
47	VŨ VĂN HIỀN	09/10/1965	2.581	1.200.000	0	1.200.000
48	NGUYỄN VĂN HIỆP	20/08/1976	2.594	1.200.000	0	1.200.000
49	VŨ MẠNH HÒA	02/01/1952	2.609	1.200.000	0	1.200.000
50	NGUYỄN KHẮC QUỲNH HOA	26/12/1961	2.615	600.000	600.000	1.200.000
51	NGUYỄN ĐĂNG HÒA	26/01/1977	2.626	1.200.000	0	1.200.000
52	NGUYỄN QUÝ HOÀI	25/01/1972	2.636	1.200.000	0	1.200.000
53	TRẦN KIM HOÀNG	16/12/1983	2.646	0	1.200.000	1.200.000
54	ĐINH HUY HOÀNG	04/12/1956	2.648	1.200.000	0	1.200.000
55	NGUYỄN BŪU HỘI	10/06/1954	2.659	1.200.000	0	1.200.000
56	VÕ THỊ CẨM HỒNG	28/10/1950	2.671	1.200.000	0	1.200.000
57	LÊ VĂN HÙNG	10/01/1949	2.692	0	1.200.000	1.200.000
58	NGÔ ĐỒNG HÙNG	04/09/1975	2.697	1.200.000	0	1.200.000
59	CÔ LÊ HUY	30/07/1972	2.710	1.200.000	0	1.200.000
60	TẠ LONG HỸ	03/03/1951	2.756	1.200.000	0	1.200.000
61	TRẦN THỊ MAI KHANH	01/08/1949	2.770	0	1.200.000	1.200.000
62	PHAN HUY KHOÁT	22/12/1964	2.781	1.200.000	0	1.200.000

STT	Luật sư	Ngày sinh	Số thẻ luật sư	Phí thành viên năm 2024	Phí thành viên năm 2023	Tổng cộng
63	VÕ HỒNG KIỂM	25/06/1968	2.792	1.200.000	0	1.200.000
64	LÊ NHÂN KIẾT	01/07/1969	2.799	1.200.000	0	1.200.000
65	ĐỖ PHÚ KIM	14/11/1976	2.803	1.200.000	0	1.200.000
66	TRẦN THỊ CHI LAN	01/09/1975	2.815	1.200.000	0	1.200.000
67	NGUYỄN LỆNH	15/09/1949	2.854	0	1.200.000	1.200.000
68	TRỊNH QUANG LIÊM	19/10/1966	2.863	1.200.000	0	1.200.000
69	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	21/10/1972	2.865	1.200.000	0	1.200.000
70	LÊ ĐĂNG LIỆU	19/05/1956	2.873	1.200.000	0	1.200.000
71	NGÔ QUỲNH LINH	13/07/1980	2.889	1.200.000	0	1.200.000
72	PHAN ĐỨC LINH	20/06/1977	2.891	1.200.000	0	1.200.000
73	NGUYỄN THANH LONG	17/09/1952	2.910	1.200.000	0	1.200.000
74	LÊ THỊ LỘC	08/06/1975	2.926	1.200.000	0	1.200.000
75	LÊ VĂN LÝ	20/04/1965	2.946	1.200.000	0	1.200.000
76	NGUYỄN THỊ LÝ	19/11/1954	2.947	1.200.000	0	1.200.000
77	TRẦN QUANG MINH	10/07/1969	2.988	0	1.200.000	1.200.000
78	TRỊNH ĐẮC MỸ	23/01/1964	3.006	0	1.200.000	1.200.000
79	BÙI PHƯƠNG NAM	25/05/1977	3.015	1.200.000	0	1.200.000
80	NGUYỄN THỊ PHI NGÀ	15/09/1959	3.029	1.200.000	0	1.200.000
81	NGÔ HỮU NHỊ	27/05/1960	3.090	1.200.000	0	1.200.000
82	LÊ CẨM NHUNG	04/05/1950	3.100	1.200.000	0	1.200.000
83	GIÃ HOÀNG NHỰT	18/08/1957	3.107	1.200.000	0	1.200.000
84	NGUYỄN THỊ OANH	05/10/1949	3.116	0	1.200.000	1.200.000
85	NGUYỄN NGỌC PHÁT	13/07/1969	3.130	1.200.000	0	1.200.000
86	DƯƠNG LÂM NGỌC PHÚC	05/07/1980	3.169	1.200.000	0	1.200.000
87	NGUYỄN THIÊN PHƯỚC	04/01/1973	3.180	1.200.000	0	1.200.000
88	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG	23/05/1965	3.206	1.200.000	0	1.200.000
89	NGÔ KIM PHƯƠNG	28/04/1981	3.209	1.200.000	0	1.200.000
90	TRỊNH HỒNG QUANG	01/04/1974	3.222	1.200.000	0	1.200.000
91	TRẦN ĐÌNH QUÝ	01/01/1951	3.249	1.200.000	0	1.200.000
92	TRẦN VĂN QUỲNH	18/08/1973	3.255	1.200.000	0	1.200.000
93	NGUYỄN THỊ SÁNG	30/10/1953	3.268	1.200.000	0	1.200.000
94	HOÀNG VĂN SƠN	02/02/1970	3.297	1.200.000	0	1.200.000
95	TRẦN TẤN TÀI	10/10/1980	3.303	1.200.000	0	1.200.000

STT	Luật sư	Ngày sinh	Số thẻ luật sư	Phí thành viên năm 2024	Phí thành viên năm 2023	Tổng cộng
96	ĐINH THANH TÂM	06/03/1979	3.322	1.200.000	0	1.200.000
97	NGUYỄN VĂN TÂM	15/09/1980	3.329	0	1.200.000	1.200.000
98	ĐỖ THỊ THANH	14/01/1950	3.361	1.200.000	0	1.200.000
99	NGUYỄN TẤN THANH	20/03/1968	3.364	0	1.200.000	1.200.000
100	LẠI THỊ LỆ THANH	03/08/1974	3.365	1.200.000	0	1.200.000
101	HOÀNG MINH THÀNH	28/09/1978	3.382	1.200.000	0	1.200.000
102	PHAN THỊ MINH THẢO	18/07/1979	3.406	1.200.000	0	1.200.000
103	HUỲNH VŨ YÊN THẢO	12/02/1974	3.407	1.200.000	0	1.200.000
104	PHẠM TẮT THẮNG	28/03/1960	3.423	1.200.000	0	1.200.000
105	PHẠM HY THẮNG	12/01/1960	3.425	1.200.000	0	1.200.000
106	NGUYỄN THỊ HỒNG THẮNG	31/03/1981	3.427	1.200.000	0	1.200.000
107	NGUYỄN VĂN THẬN	02/06/1980	3.430	1.200.000	0	1.200.000
108	NGUYỄN GIA THIỆN	08/04/1971	3.440	1.200.000	0	1.200.000
109	NGUYỄN THẾ THỊNH	23/01/1976	3.452	1.200.000	0	1.200.000
110	TRẦN TUẤN THỌ	22/03/1977	3.456	1.200.000	0	1.200.000
111	TRẦN VĂN THỌ	13/04/1969	3.457	1.200.000	0	1.200.000
112	NGUYỄN PHÒNG THỦ	27/04/1965	3.489	1.200.000	0	1.200.000
113	NGUYỄN HƯƠNG THỤ	02/06/1961	3.490	1.200.000	0	1.200.000
114	NGUYỄN MINH THUẬN	14/09/1977	3.501	1.200.000	0	1.200.000
115	HÀ THỊ THÙY	01/11/1957	3.511	1.200.000	0	1.200.000
116	TRƯƠNG THỊ HỒNG THUYỀN	17/12/1972	3.534	1.200.000	0	1.200.000
117	PHẠM NGỌC KHUÊ TRANG	01/10/1969	3.581	1.200.000	0	1.200.000
118	NGUYỄN VÂN TRANG	18/08/1973	3.587	1.200.000	0	1.200.000
119	NGUYỄN THỊ BẢO TRÂM	18/02/1973	3.603	600.000	600.000	1.200.000
120	LÊ HỮU TRÍ	03/05/1973	3.617	1.200.000	0	1.200.000
121	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	26/05/1958	3.647	1.200.000	0	1.200.000
122	ĐỖ LÊ CAO ĐĂNG TRƯỜNG	28/01/1980	3.662	1.200.000	0	1.200.000
123	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	16/05/1970	3.664	1.200.000	0	1.200.000
124	LÊ THỊ CẨM TÚ	30/12/1978	3.667	1.200.000	0	1.200.000
125	NGUYỄN THỊ DIỄM TÚ	24/12/1978	3.671	1.200.000	0	1.200.000
126	NGUYỄN VĂN TUẤN	14/12/1968	3.686	1.200.000	0	1.200.000
127	TRẦN ANH TUẤN	28/06/1949	3.698	0	1.200.000	1.200.000
128	NGUYỄN THỊ NGỌC UYÊN	31/10/1970	3.731	1.200.000	0	1.200.000

STT	Luật sư	Ngày sinh	Số thẻ luật sư	Phí thành viên năm 2024	Phí thành viên năm 2023	Tổng cộng
129	VÕ THỊ XUÂN UYÊN	11/08/1978	3.735	1.200.000	0	1.200.000
130	LÊ THỊ VÂN	16/03/1956	3.749	0	1.200.000	1.200.000
131	NGUYỄN THANH VIỆT	10/10/1972	3.765	1.200.000	0	1.200.000
132	NGÔ QUỐC VIỆT	25/06/1983	3.768	1.200.000	0	1.200.000
133	VÕ HOÀNG VĨNH	01/12/1974	3.777	1.200.000	0	1.200.000
134	NGUYỄN THỊ HOÀNG YÊN	08/09/1973	3.810	1.200.000	0	1.200.000
135	NGÔ THÁI TÙNG THƯ	14/02/1974	3.861	1.200.000	0	1.200.000
136	ĐẶNG HOÀNG QUỐC BẢO	31/05/1977	3.934	0	1.200.000	1.200.000
137	LÊ PHÚ HẢI	31/12/1976	4.037	1.200.000	0	1.200.000
138	PHAN THANH HÙNG	01/02/1971	4.273	1.200.000	0	1.200.000
139	NGUYỄN VĂN SƠN	08/04/1972	4.449	1.200.000	0	1.200.000
140	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	01/11/1977	4.881	1.200.000	0	1.200.000
141	NGUYỄN VĂN ĐỨC	13/12/1968	4.916	1.200.000	0	1.200.000
142	TRẦN TUẤN GIANG	19/08/1975	4.921	1.200.000	0	1.200.000
143	NGUYỄN NGỌC HẢI	04/04/1979	4.929	1.200.000	0	1.200.000
144	NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG	09/11/1964	4.990	1.200.000	0	1.200.000
145	LÊ VĂN KHẢI	22/11/1959	4.997	1.200.000	0	1.200.000
146	TÔN NỮ MAI KHANH	12/05/1978	4.998	1.200.000	0	1.200.000
147	PHẠM THỊ MỸ LINH	19/01/1981	5.013	1.200.000	0	1.200.000
148	PHẠM THỊ NGỌC LINH	22/05/1980	5.015	1.200.000	0	1.200.000
149	HỒ PHƯỚC LONG	10/11/1976	5.019	1.200.000	0	1.200.000
150	PHẠM THANH MINH	11/09/1961	5.030	0	1.200.000	1.200.000
151	LÊ QUANG MINH	22/04/1962	5.032	1.200.000	0	1.200.000
152	ĐỖ THANH MỸ	14/08/1965	5.036	1.200.000	0	1.200.000
153	TRẦN ĐẠI NGHĨA	05/11/1968	5.046	1.200.000	0	1.200.000
154	ĐẶNG KHẢI NGUYỄN	31/07/1972	5.051	1.200.000	0	1.200.000
155	ĐẶNG ĐÌNH QUÁT	06/10/1961	5.088	1.200.000	0	1.200.000
156	PHẠM VĂN SINH	23/11/1983	5.096	1.200.000	0	1.200.000
157	NGUYỄN NGỌC THẠCH	21/03/1956	5.114	1.200.000	0	1.200.000
158	TRƯƠNG HÀ THẠCH	07/09/1983	5.115	1.200.000	0	1.200.000
159	TRẦN TRUNG THUẬN	19/03/1972	5.152	1.200.000	0	1.200.000
160	PHAN ĐỨC TÍN	09/10/1979	5.166	0	1.200.000	1.200.000
161	TẠ CHIÊU TRUNG	31/03/1979	5.184	1.200.000	0	1.200.000

STT	Luật sư	Ngày sinh	Số thẻ luật sư	Phí thành viên năm 2024	Phí thành viên năm 2023	Tổng cộng
162	PHẠM VINH	09/10/1956	5.211	1.200.000	0	1.200.000
163	LÝ HẢI YẾN	05/07/1984	5.220	1.200.000	0	1.200.000
164	TRẦN LÊ BẢO CHÂU	13/10/1979	5.263	1.200.000	0	1.200.000
165	NGUYỄN THỊ KIM PHƯỢNG	17/10/1982	5.275	1.200.000	0	1.200.000
166	PHAN TÂM	17/04/1977	5.278	1.200.000	0	1.200.000
167	TRẦN THỊ THÀNH	21/01/1982	5.279	1.200.000	0	1.200.000
168	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	14/04/1977	5.282	1.200.000	0	1.200.000
169	LÊ XUÂN VƯƠNG	23/03/1977	5.311	1.200.000	0	1.200.000
170	NGUYỄN ĐÌNH PHÁT	23/03/1979	5.380	1.200.000	0	1.200.000
171	VŨ THỊ HẢI PHƯƠNG	11/02/1984	5.383	1.200.000	0	1.200.000
172	NGUYỄN NGỌC BÍCH TRÂM	27/12/1983	5.393	1.200.000	0	1.200.000
173	TRẦN TRỌNG TUẤN	10/01/1971	5.395	1.200.000	0	1.200.000
174	UÔNG VĂN TÔNG	17/09/1949	5.400	0	1.200.000	1.200.000
175	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	12/02/1977	5.524	1.200.000	0	1.200.000
176	NGUYỄN VĂN NHIÊN	23/12/1978	5.526	1.200.000	0	1.200.000
177	NGUYỄN THỊ GIAO THỦY	08/05/1981	5.527	0	1.200.000	1.200.000
178	PHAN THỊ NGỌC THẮNG	27/02/1979	5.550	1.200.000	0	1.200.000
179	NGUYỄN NGỌC TRUNG	03/02/1980	5.552	1.200.000	0	1.200.000
180	ĐÔNG THANH TỬ	02/02/1962	5.554	1.200.000	0	1.200.000
181	LÊ MINH HÙNG	14/08/1971	5.586	0	1.200.000	1.200.000
182	LÝ THỊ NGÂN CHÂU	10/06/1983	5.663	1.200.000	0	1.200.000
183	NGUYỄN ĐỨC CƯƠNG	01/05/1962	5.666	1.200.000	0	1.200.000
184	DƯƠNG VĂN CƯỜNG	14/06/1981	5.667	1.200.000	0	1.200.000
185	NGUYỄN MẠNH DŨNG	13/08/1973	5.677	600.000	600.000	1.200.000
186	VŨ TRỌNG DUY	01/04/1982	5.682	1.200.000	0	1.200.000
187	NGUYỄN VĂN ĐÀM	10/12/1983	5.685	1.200.000	0	1.200.000
188	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	19/05/1972	5.687	1.200.000	0	1.200.000
189	PHẠM ĐĂNG KHANG	12/01/1974	5.723	1.200.000	0	1.200.000
190	PHAN HOÀNG KHANH	05/09/1961	5.724	1.200.000	0	1.200.000
191	NGUYỄN XUÂN KÍNH	30/08/1960	5.729	1.200.000	0	1.200.000
192	LÊ KIM LÂM	29/10/1956	5.731	1.200.000	0	1.200.000
193	NGUYỄN HỒNG QUANG	27/06/1981	5.759	1.200.000	0	1.200.000
194	PHẠM XUÂN SANG	06/09/1982	5.763	1.200.000	0	1.200.000

STT	Luật sư	Ngày sinh	Số thẻ luật sư	Phí thành viên năm 2024	Phí thành viên năm 2023	Tổng cộng
195	PHẠM QUANG THOẢ	10/04/1973	5.786	1.200.000	0	1.200.000
196	HỒ VĂN THỜI	10/01/1956	5.787	1.200.000	0	1.200.000
197	ĐẠT KHÁNH TOÀN	16/11/1977	5.794	1.200.000	0	1.200.000
198	PHẠM THỊ MỸ VÂN	06/05/1983	5.807	1.200.000	0	1.200.000
199	BÙI THỊ HỒNG VÂN	18/02/1979	5.808	1.200.000	0	1.200.000
200	DƯƠNG PHI LINH	01/05/1975	5.880	1.200.000	0	1.200.000
201	TRƯƠNG THẾ HÀO KIẾT	05/03/1980	5.907	1.200.000	0	1.200.000
202	NGUYỄN THỊ KIM QUYÊN	16/08/1975	5.918	1.200.000	0	1.200.000
203	NGUYỄN MINH THUẬN	15/05/1976	5.923	1.200.000	0	1.200.000
204	NGUYỄN ĐẶNG ANH TUẤN	25/07/1984	5.930	1.200.000	0	1.200.000
205	NGUYỄN THÁI HIỀN	26/09/1981	6.004	1.200.000	0	1.200.000
206	TRƯƠNG CHIẾN LŨY	20/11/1978	6.012	1.200.000	0	1.200.000
207	TRƯƠNG THỊ BÌNH	15/03/1978	6.023	1.200.000	0	1.200.000
208	NGUYỄN LỘC TUỠY ANH	25/09/1971	6.185	0	1.200.000	1.200.000
209	ĐÀO THỊ PHƯƠNG DUNG	31/10/1949	6.208	0	1.200.000	1.200.000
210	NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG	03/12/1982	6.216	1.200.000	0	1.200.000
211	NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG	02/06/1953	6.227	1.200.000	0	1.200.000
212	NGUYỄN THANH HIỀN	23/09/1981	6.235	1.200.000	0	1.200.000
213	TRƯƠNG CÔNG HUY	16/09/1980	6.258	1.200.000	0	1.200.000
214	NGUYỄN THANH HUYỀN	01/01/1984	6.262	1.200.000	0	1.200.000
215	VÕ THỊ HỒNG MAI	28/01/1979	6.289	1.200.000	0	1.200.000
216	PHẠM NGUYỄN MAI	18/09/1972	6.290	1.200.000	0	1.200.000
217	NGUYỄN THỊ TỐ MỸ	08/07/1981	6.297	1.200.000	0	1.200.000
218	ANH HỒNG NGÂN	09/12/1981	6.303	1.200.000	0	1.200.000
219	TRẦN HỮU NGHỊ	03/11/1977	6.307	1.200.000	0	1.200.000
220	NGUYỄN VĂN TÂM	06/04/1954	6.337	1.200.000	0	1.200.000
221	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THI	11/05/1974	6.355	1.200.000	0	1.200.000
222	LÊ THỊ THỦY	19/05/1975	6.361	1.200.000	0	1.200.000
223	TRẦN MINH TRUNG	28/10/1961	6.379	1.200.000	0	1.200.000
224	TRẦN TẤN TRUNG	22/02/1973	6.380	1.200.000	0	1.200.000
225	TRẦN TÚ	22/05/1965	6.381	0	1.200.000	1.200.000
226	TỔNG PHƯỚC TUẤN	10/03/1982	6.385	1.200.000	0	1.200.000
227	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	24/06/1966	6.401	0	1.200.000	1.200.000

STT	Luật sư	Ngày sinh	Số thẻ luật sư	Phí thành viên năm 2024	Phí thành viên năm 2023	Tổng cộng
228	LÊ THỊ BẢO TRÂN	13/11/1981	6.488	0	1.200.000	1.200.000
229	ĐỖ PHƯƠNG ĐẠI	03/10/1978	6.499	1.200.000	0	1.200.000
230	BÙI THỊ BÌNH	15/09/1983	6.533	1.200.000	0	1.200.000
231	LÊ VĂN CƯỜNG	22/12/1975	6.534	1.200.000	0	1.200.000
232	NGUYỄN VĂN CỰU	30/10/1972	6.535	1.200.000	0	1.200.000
233	LÊ XUÂN BÌNH	06/01/1970	6.555	1.200.000	0	1.200.000
234	DƯƠNG QUÝ LINH	27/04/1976	6.566	1.200.000	0	1.200.000
235	PHẠM XUÂN HÀ	24/08/1982	6.569	1.200.000	0	1.200.000
236	NGUYỄN THỊ MAI HOA	07/02/1975	6.574	1.200.000	0	1.200.000
237	HOÀNG THỊ LIÊN	04/05/1984	6.590	1.200.000	0	1.200.000
238	ĐẶNG THỊ LUYỆN	25/03/1984	6.594	1.200.000	0	1.200.000
239	NGUYỄN THỊ HOÀNG TRINH	18/02/1979	6.641	1.200.000	0	1.200.000
240	HOÀNG ĐÔN HÙNG	06/03/1979	6.867	1.200.000	0	1.200.000
241	QUÁCH TÚ KHANH	02/05/1978	6.876	1.200.000	0	1.200.000
242	TẠ HỒNG NGUYỄN	06/11/1979	6.894	1.200.000	0	1.200.000
243	MÃ ĐÌNH PHƯỚC	27/12/1974	6.900	1.200.000	0	1.200.000
244	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	08/04/1981	6.916	1.200.000	0	1.200.000
245	PHẠM VĂN VIỆT	29/09/1976	6.939	1.200.000	0	1.200.000
246	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	18/06/1982	7.042	1.200.000	0	1.200.000
247	HOÀNG THỊ THU HẢO	15/01/1984	7.049	1.200.000	0	1.200.000
248	TRẦN LIÊN HOAN	02/09/1949	7.051	0	1.200.000	1.200.000
249	VŨ THANH HUYỀN	13/07/1982	7.056	1.200.000	0	1.200.000
250	NGUYỄN QUANG PHÚC	23/10/1974	7.064	1.200.000	0	1.200.000
251	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	29/12/1971	7.071	0	1.200.000	1.200.000
252	NGUYỄN VĂN CHUNG	30/04/1976	7.118	1.200.000	0	1.200.000
253	NGUYỄN THU HẰNG	24/03/1978	7.123	1.200.000	0	1.200.000
254	NGUYỄN XUÂN VIỆT BÌNH	23/05/1980	7.215	1.200.000	0	1.200.000
255	TRẦN LIÊN HIỆP	08/05/1981	7.221	1.200.000	0	1.200.000
256	NGUYỄN CAO VIỆT THÙY	26/07/1981	7.231	1.200.000	0	1.200.000
257	LÊ MINH HẢI	22/11/1976	7.271	1.200.000	0	1.200.000
258	VÕ VĂN CÒ	26/12/1971	7.301	0	1.200.000	1.200.000
259	NGUYỄN TÁT THẮNG	26/06/1984	7.335	1.200.000	0	1.200.000
260	NGUYỄN THẾ VINH	01/09/1976	7.340	1.200.000	0	1.200.000

STT	Luật sư	Ngày sinh	Số thẻ luật sư	Phí thành viên năm 2024	Phí thành viên năm 2023	Tổng cộng
261	TRƯƠNG NGUYỄN MINH ĐẮC	08/09/1986	7.423	0	1.200.000	1.200.000
262	NGUYỄN NHƯ EM	07/10/1979	7.426	1.200.000	0	1.200.000
263	TÔ THANH TRÀ	12/12/1985	7.490	1.200.000	0	1.200.000
264	TRẦN KIM TRÍ	16/05/1983	7.493	0	1.200.000	1.200.000
265	TÔ VIỆT YÊN	14/10/1982	7.513	1.200.000	0	1.200.000
266	VŨ ĐỨC DŨNG	10/10/1972	7.577	1.200.000	0	1.200.000
267	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	06/08/1978	7.597	1.200.000	0	1.200.000
268	HUỖNH PHƯƠNG THẢO	15/09/1967	7.612	1.200.000	0	1.200.000
269	ĐẶNG TẤN PHÁT	28/04/1978	7.636	0	1.200.000	1.200.000
270	TRƯƠNG HOÀI NAM	08/03/1984	7.715	1.200.000	0	1.200.000
271	PHẠM THỊ THƠM	27/07/1957	7.721	1.200.000	0	1.200.000
272	TRẦN QUANG VINH	02/08/1984	7.728	0	1.200.000	1.200.000
273	LÊ THỊ THẨM	06/05/1985	7.736	1.200.000	0	1.200.000
274	VŨ ĐOÀN THÚY NGÀ	04/09/1985	7.814	1.200.000	0	1.200.000
275	PHAN THỊ DIỄM HƯƠNG	10/06/1981	7.916	1.200.000	0	1.200.000
276	VŨ KHẮC ĐIỆP	24/04/1977	7.994	1.200.000	0	1.200.000
277	TRẦN VĂN SỰ	08/08/1952	7.997	1.200.000	0	1.200.000
278	NGUYỄN HỒNG PHÚC	16/03/1975	8.099	1.200.000	0	1.200.000
279	VÕ TRẦN CHINH	12/08/1986	8.193	1.200.000	0	1.200.000
280	PHẠM VĂN ĐỊNH	10/03/1976	8.206	1.200.000	0	1.200.000
281	NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG	08/03/1976	8.213	1.200.000	0	1.200.000
282	LÊ TRUNG HIẾU	09/05/1966	8.221	600.000	600.000	1.200.000
283	TRẦN THỊ THU HỒNG	14/09/1967	8.229	1.200.000	0	1.200.000
284	LÊ QUỐC HÙNG	27/03/1965	8.230	1.200.000	0	1.200.000
285	NGUYỄN THỊ HUỖNH	05/05/1981	8.232	1.200.000	0	1.200.000
286	LƯU ĐỨC NHỰT	16/01/1982	8.278	1.200.000	0	1.200.000
287	PHẠM ĐÌNH PHƯƠNG	25/09/1977	8.293	1.200.000	0	1.200.000
288	ĐẶNG VĂN TỊNH	10/01/1975	8.319	1.200.000	0	1.200.000
289	NGUYỄN ĐỨC TRÍ	05/07/1986	8.326	1.200.000	0	1.200.000
290	HỒ THỊ ÁNH TUYẾT	18/08/1985	8.343	1.200.000	0	1.200.000
291	NGUYỄN KHẮC BẢO TÙNG	02/10/1985	8.345	1.200.000	0	1.200.000
292	PHAN THỊ XUÂN UYÊN	30/01/1974	8.349	1.200.000	0	1.200.000
293	NGUYỄN MẠNH VŨ	01/05/1982	8.355	1.200.000	0	1.200.000

STT	Luật sư	Ngày sinh	Số thẻ luật sư	Phí thành viên năm 2024	Phí thành viên năm 2023	Tổng cộng
294	PHẠM PHÚ TƯỜNG VY	19/04/1984	8.358	1.200.000	0	1.200.000
295	TRẦN VĂN THANH	21/10/1973	8.416	1.200.000	0	1.200.000
296	NGUYỄN NGỌC GIÁP	05/10/1978	8.425	1.200.000	0	1.200.000
297	NGUYỄN DUY HIẾU	30/08/1953	8.566	1.200.000	0	1.200.000
298	HỒ QUANG KHÁNH	10/12/1983	8.600	1.200.000	0	1.200.000
299	NGHIÊM THỊ HỒNG HẠNH	27/02/1974	8.619	0	1.200.000	1.200.000
300	ĐINH HOÀNG TRUNG	22/09/1971	8.642	1.200.000	0	1.200.000
301	NGUYỄN THỊ LONG GIANG	23/06/1984	8.644	1.200.000	0	1.200.000
302	TRƯƠNG HỒNG NGỌC	14/01/1986	8.728	1.200.000	0	1.200.000
303	NGUYỄN NGỌC HOÀNG	28/12/1986	8.784	0	1.200.000	1.200.000
304	ĐỖ NGUYỄN NGỌC BÍCH	17/01/1982	8.805	1.200.000	0	1.200.000
305	HOÀNG THỊ HỒNG HÀ	11/01/1979	8.815	1.200.000	0	1.200.000
306	CHUNG TUẤN NAM	31/07/1978	8.837	1.200.000	0	1.200.000
307	LÊ HOÀNG DUY	26/06/1987	8.879	1.200.000	0	1.200.000
308	BÙI THỊ THƯƠNG	03/02/1986	8.900	0	1.200.000	1.200.000
309	NGUYỄN VĂN THỌ	10/10/1961	8.901	1.200.000	0	1.200.000
310	LÊ CẨM DIỆU HÀ	22/02/1986	8.995	1.200.000	0	1.200.000
311	NGUYỄN ĐỨC VŨ HÙNG	10/10/1973	9.054	1.200.000	0	1.200.000
312	HỒ KIM MINH CHÂU	08/08/1971	9.237	0	1.200.000	1.200.000
313	VÕ VĂN ĐÔNG	02/04/1983	9.239	1.200.000	0	1.200.000
314	BÙI BẢO TRÂM	23/05/1975	9.244	1.200.000	0	1.200.000
315	LÊ THANH TRANG	02/09/1978	9.350	1.200.000	0	1.200.000
316	PHẠM HỒNG TUẤN	01/11/1949	9.385	0	1.200.000	1.200.000
317	NGUYỄN HỮU AN	13/10/1961	9.437	1.200.000	0	1.200.000
318	PHẠM TUẤN ANH	26/10/1975	9.441	1.200.000	0	1.200.000
319	LÊ VINH THÁI BÌNH	17/10/1973	9.446	1.200.000	0	1.200.000
320	QUẢNG THỊ NGỌC DUNG	26/08/1970	9.465	1.200.000	0	1.200.000
321	DƯƠNG THỊ NGỌC ĐANG	29/05/1985	9.473	1.200.000	0	1.200.000
322	ĐINH THỨC ĐOAN	18/10/1987	9.479	1.200.000	0	1.200.000
323	NGUYỄN TIẾN ĐỨC	10/12/1987	9.480	600.000	600.000	1.200.000
324	NGUYỄN VĂN GIÃ	02/09/1952	9.481	0	1.200.000	1.200.000
325	VÕ THỊ HỒNG HẠNH	28/10/1987	9.488	1.200.000	0	1.200.000
326	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	20/10/1977	9.492	1.200.000	0	1.200.000

STT	Luật sư	Ngày sinh	Số thẻ luật sư	Phí thành viên năm 2024	Phí thành viên năm 2023	Tổng cộng
327	ĐINH XUÂN HIỆP	18/05/1981	9.498	1.200.000	0	1.200.000
328	PHẠM THANH HOAN	24/01/1957	9.504	1.200.000	0	1.200.000
329	NGUYỄN THỊ KHAI	03/02/1978	9.524	1.200.000	0	1.200.000
330	VŨ KIM LÂN	03/03/1958	9.540	1.200.000	0	1.200.000
331	ĐÀO ĐỨC MINH	07/10/1972	9.552	0	1.200.000	1.200.000
332	PHAN THANH NAM	10/05/1965	9.558	1.200.000	0	1.200.000
333	PHẠM THỊ PHƯƠNG	12/10/1975	9.592	1.200.000	0	1.200.000
334	NGUYỄN VĂN SANG	18/11/1985	9.598	600.000	600.000	1.200.000
335	TRẦN THỊ HỒNG THANH	13/07/1971	9.617	1.200.000	0	1.200.000
336	PHẠM HOÀNG THANH	18/09/1985	9.619	1.200.000	0	1.200.000
337	NGUYỄN THỊ THANH THỂ	06/08/1982	9.624	1.200.000	0	1.200.000
338	NGUYỄN THỊ CẨM THUYỀN	29/08/1988	9.638	1.200.000	0	1.200.000
339	HÀ KHÁNH TRÂN	29/03/1973	9.651	1.200.000	0	1.200.000
340	NGUYỄN THỊ VI VÂN	01/01/1987	9.672	1.200.000	0	1.200.000
341	LÊ HUY VỊNH	20/06/1986	9.677	1.200.000	0	1.200.000
342	LÊ MINH NGỌC	10/08/1986	9.734	1.200.000	0	1.200.000
343	THÁI ĐỖ THÚY NGỌC	19/06/1975	9.791	1.200.000	0	1.200.000
344	HOÀNG TRUNG KIÊN	04/06/1978	9.792	1.200.000	0	1.200.000
345	ĐOÀN TỐ NHƯ	05/12/1979	10.060	1.200.000	0	1.200.000
346	NGUYỄN ĐÌNH CAO PHI	28/06/1974	10.061	1.200.000	0	1.200.000
347	LÂM THỊ THANH NHÀN	20/08/1986	10.121	1.200.000	0	1.200.000
348	NGÔ MINH HOÀNG	05/02/1978	10.131	1.200.000	0	1.200.000
349	TRƯƠNG HỒNG KÔNG	04/10/1978	10.192	1.200.000	0	1.200.000
350	PHẠM NGỌC CƯỜNG	19/01/1954	10.204	1.200.000	0	1.200.000
351	ĐOÀN THỊ MƯỢT	13/10/1983	10.267	1.200.000	0	1.200.000
352	NGUYỄN ĐỨC NINH	13/07/1986	10.380	1.200.000	0	1.200.000
353	TRƯƠNG MINH BẢO	12/10/1977	10.408	1.200.000	0	1.200.000
354	TRẦN THÀNH DANH	26/03/1969	10.420	1.200.000	0	1.200.000
355	NGUYỄN XUÂN HỢP	19/10/1975	10.434	1.200.000	0	1.200.000
356	TRẦN CÔNG HUY	01/10/1984	10.440	1.200.000	0	1.200.000
357	NGÔ VĂN LÂM	08/12/1969	10.462	1.200.000	0	1.200.000
358	NGUYỄN HỒNG LĨNH	01/06/1987	10.467	1.200.000	0	1.200.000
359	HUỶNH TẤN TẤN	05/08/1986	10.499	1.200.000	0	1.200.000

STT	Luật sư	Ngày sinh	Số thẻ luật sư	Phí thành viên năm 2024	Phí thành viên năm 2023	Tổng cộng
360	TRƯƠNG QUANG VĨNH	04/02/1963	10.524	1.200.000	0	1.200.000
361	VÕ DUY KHÁNH	12/08/1986	10.661	1.200.000	0	1.200.000
362	DANH THỊ LOAN	15/10/1987	10.662	1.200.000	0	1.200.000
363	NGUYỄN THANH ĐIỆP	14/12/1980	10.676	600.000	600.000	1.200.000
364	PHẠM ĐÌNH BẮC	30/09/1976	10.734	1.200.000	0	1.200.000
365	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	28/03/1989	10.744	1.200.000	0	1.200.000
366	NGUYỄN THANH TÚ	07/10/1983	10.748	1.200.000	0	1.200.000
367	ĐỖ TOÀN KHOA	06/05/1975	10.808	1.200.000	0	1.200.000
368	ĐỖ THỊ THANH THANH	27/03/1979	10.837	1.200.000	0	1.200.000
369	BÙI ANH TUẤN	02/01/1988	10.855	1.200.000	0	1.200.000
370	NGUYỄN ĐỨC THẮNG Ý	18/11/1981	10.863	1.200.000	0	1.200.000
371	ÂU TRUNG HUÊ	12/11/1983	10.980	1.200.000	0	1.200.000
372	HÀ CÔNG THẮNG	05/10/1987	11.019	1.200.000	0	1.200.000
373	VŨ NGỌC VINH	16/11/1957	11.152	1.200.000	0	1.200.000
374	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	27/12/1977	11.165	1.200.000	0	1.200.000
375	NGUYỄN VĂN HÒA	05/11/1985	11.377	1.200.000	0	1.200.000
376	QUÁCH XUÂN HUYỀN	08/08/1979	11.380	1.200.000	0	1.200.000
377	NGÔ HOÀNG ANH KHOA	03/07/1987	11.381	1.200.000	0	1.200.000
378	VŨ HOÀNG NAM	07/10/1990	11.390	1.200.000	0	1.200.000
379	TÔ KIM NGÂN	01/01/1988	11.391	1.200.000	0	1.200.000
380	PHẠM THỊ ÁNH NGỌC	06/07/1990	11.394	1.200.000	0	1.200.000
381	HỒ VĂN HƯỞNG	0	11.550	0	1.200.000	1.200.000
382	NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU	09/09/1989	11.551	1.200.000	0	1.200.000
383	NGÔ DUY LÂN	05/05/1979	11.555	1.200.000	0	1.200.000
384	BÙI THỊ THANH THÚY	05/11/1988	11.590	1.200.000	0	1.200.000
385	LÊ THỊ HỒNG PHƯỢNG	17/08/1983	11.638	1.200.000	0	1.200.000
386	ĐỖ HẢI BẮC	15/11/1980	11.734	1.200.000	0	1.200.000
387	HOÀNG THỊ THU HẰNG	04/12/1984	11.743	1.200.000	0	1.200.000
388	PHẠM HẢI HÙNG	11/09/1967	11.747	1.200.000	0	1.200.000
389	NGUYỄN HUY TƯỜNG	01/01/1987	11.770	1.200.000	0	1.200.000
390	NGUYỄN THỊ HÒA	27/02/1986	11.882	1.200.000	0	1.200.000
391	TRẦN BÌNH NGUYỄN	28/05/1983	11.890	1.200.000	0	1.200.000
392	NGÔ QUỐC NGUYỄN	11/03/1982	11.891	1.200.000	0	1.200.000

STT	Luật sư	Ngày sinh	Số thẻ luật sư	Phí thành viên năm 2024	Phí thành viên năm 2023	Tổng cộng
393	HOÀNG NGỌC QUY	16/03/1988	11.896	1.200.000	0	1.200.000
394	NGUYỄN THỊ HOÀI DIỆU	23/08/1988	12.031	1.200.000	0	1.200.000
395	NGUYỄN THỊ NHÀN	06/08/1981	12.043	1.200.000	0	1.200.000
396	HỒ VIỆT XUÂN	22/12/1985	12.134	1.200.000	0	1.200.000
397	MAI THANH HIẾU	10/09/1964	12.190	1.200.000	0	1.200.000
398	NGUYỄN THIÊN KHOA	18/10/1979	12.202	1.200.000	0	1.200.000
399	LƯU QUỲNH LAN	03/01/1971	12.204	0	1.200.000	1.200.000
400	NGUYỄN VĂN QUỐC	01/01/1979	12.233	1.200.000	0	1.200.000
401	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG TÚ	23/10/1984	12.242	1.200.000	0	1.200.000
402	ĐÌNH THỊ NINH GIANG	29/06/1974	12.301	600.000	600.000	1.200.000
403	PHẠM THỊ MINH HẬU	19/09/1990	12.303	1.200.000	0	1.200.000
404	NGUYỄN THỊ MỸ KHANH	29/08/1962	12.304	1.200.000	0	1.200.000
405	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG KHANH	20/07/1989	12.305	0	1.200.000	1.200.000
406	LÊ THANH HƯƠNG	06/03/1974	12.429	1.200.000	0	1.200.000
407	VŨ PHI LONG	23/08/1956	12.439	1.200.000	0	1.200.000
408	PHAN BÁ LƯỢNG	03/11/1988	12.440	1.200.000	0	1.200.000
409	TRỊNH LÂM KHẢ THÀNH	10/07/1974	12.462	1.200.000	0	1.200.000
410	ĐỖ MẠNH THẮNG	26/10/1990	12.463	1.200.000	0	1.200.000
411	LÊ NGỌC THƯƠNG	27/10/1987	12.479	1.200.000	0	1.200.000
412	LÊ KIM TÌNH	10/10/1984	12.480	1.200.000	0	1.200.000
413	PHAN PHẠM THẢO TRANG	29/08/1989	12.483	1.200.000	0	1.200.000
414	TRẦN NAM TRUNG	22/09/1989	12.485	1.200.000	0	1.200.000
415	TRƯƠNG THANH TÙNG	12/02/1973	12.491	1.200.000	0	1.200.000
416	NGUYỄN HỮU MAI VÂN	07/09/1983	12.499	1.200.000	0	1.200.000
417	NGUYỄN SƠN TRANG	09/03/1988	12.648	1.200.000	0	1.200.000
418	HỒ THOẠI QUỲNH TRANG	14/12/1988	12.650	600.000	600.000	1.200.000
419	TRƯƠNG THỊ NHƯ Ý	05/02/1985	12.664	1.200.000	0	1.200.000
420	LƯU TẤN ANH TOÀN	31/10/1982	12.827	1.200.000	0	1.200.000
421	TRẦN THỊ KIM QUYỀN	12/12/1988	12.895	1.200.000	0	1.200.000
422	LÊ KHẮC ÁI	19/08/1962	12.966	1.200.000	0	1.200.000
423	CAO THẢO QUỲNH ANH	08/05/1991	12.978	1.200.000	0	1.200.000
424	TRẦN HOÀNG HÀ	10/04/1984	12.988	1.200.000	0	1.200.000
425	PHẠM NGUYỄN KIM PHỤNG	21/01/1986	13.006	1.200.000	0	1.200.000

STT	Luật sư	Ngày sinh	Số thẻ luật sư	Phí thành viên năm 2024	Phí thành viên năm 2023	Tổng cộng
426	NGUYỄN MINH TIẾN	10/02/1990	13.030	1.200.000	0	1.200.000
427	NGUYỄN HOÀNG ĐOAN PHƯƠNG	16/01/1982	13.221	1.200.000	0	1.200.000
428	NGUYỄN GIANG NAM	08/07/1976	13.234	1.200.000	0	1.200.000
429	NGUYỄN BÁ HÙNG	24/05/1988	13.262	1.200.000	0	1.200.000
430	NGUYỄN LÊ THANH KHOA	20/03/1978	13.268	1.200.000	0	1.200.000
431	ĐỖ THỊ NHƯ DIỄM	15/06/1991	13.286	1.200.000	0	1.200.000
432	NGÔ MINH ĐIỂN	24/08/1970	13.292	1.200.000	0	1.200.000
433	LÊ THỊ KHÁNH TƯỜNG	08/07/1991	13.311	1.200.000	0	1.200.000
434	NGUYỄN KIM THANH	18/08/1989	13.319	1.200.000	0	1.200.000
435	PHẠM THỊ THỎA	24/12/1990	13.328	1.200.000	0	1.200.000
436	NGUYỄN THÀNH THOẠI	02/06/1987	13.329	1.200.000	0	1.200.000
437	TRẦN THỊ THÙY	03/10/1991	13.332	1.200.000	0	1.200.000
438	NGUYỄN NHƯ HÀ	14/04/1978	13.698	0	1.200.000	1.200.000
439	TRƯƠNG VĂN VĨNH HẢI	15/08/1989	13.776	1.200.000	0	1.200.000
440	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	01/05/1981	13.777	1.200.000	0	1.200.000
441	PHẠM THỊ THU HUYỀN	17/03/1983	13.785	1.200.000	0	1.200.000
442	PHẠM THANH THỌ	23/07/1973	13.816	1.200.000	0	1.200.000
443	PHẠM NGỌC TOÀN	21/08/1988	13.823	1.200.000	0	1.200.000
444	PHAN THÀNH TUẤN	27/08/1991	13.832	1.200.000	0	1.200.000
445	NGUYỄN THÀNH TỰU	10/06/1982	13.903	1.200.000	0	1.200.000
446	NGUYỄN THỊ KIM THU	09/09/1962	13.928	1.200.000	0	1.200.000
447	TRẦN QUỐC ĐẠT	29/04/1992	14.084	1.200.000	0	1.200.000
448	VŨ ANH NHẬT	18/11/1991	14.109	1.200.000	0	1.200.000
449	NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG	19/12/1966	14.116	1.200.000	0	1.200.000
450	TRẦN THỊ THỦY	26/02/1991	14.123	1.200.000	0	1.200.000
451	VŨ THANH DƯƠNG	25/09/1991	14.196	1.200.000	0	1.200.000
452	NGUYỄN VĂN HIỆP	30/05/1958	14.201	1.200.000	0	1.200.000
453	HOÀNG THỊ KIỀU	04/05/1991	14.214	1.200.000	0	1.200.000
454	NGUYỄN TẤN LƯU	16/09/1989	14.219	1.200.000	0	1.200.000
455	LÊ VĂN THUẬN	14/12/1972	14.231	1.200.000	0	1.200.000
456	NGUYỄN PHƯƠNG THỤY	30/04/1973	14.232	1.200.000	0	1.200.000
457	LÊ VĂN THƯƠNG	12/08/1988	14.234	1.200.000	0	1.200.000
458	BÙI THỊ KIM YẾN	24/05/1984	14.240	1.200.000	0	1.200.000

STT	Luật sư	Ngày sinh	Số thẻ luật sư	Phí thành viên năm 2024	Phí thành viên năm 2023	Tổng cộng
459	TRẦN THỊ MỸ ÁI	16/05/1990	14.329	1.200.000	0	1.200.000
460	PHAN THỊ HƯƠNG GIANG	29/12/1992	14.338	1.200.000	0	1.200.000
461	DƯƠNG MỘNG TRI	03/07/1972	14.375	1.200.000	0	1.200.000
462	ĐOÀN THỊ KIM CƯƠNG	20/01/1993	14.545	1.200.000	0	1.200.000
463	TRẦN VĂN ĐÔNG	20/02/1982	14.552	1.200.000	0	1.200.000
464	NGUYỄN THỊ THU HÀ	03/03/1978	14.556	1.200.000	0	1.200.000
465	CHÂU TUẤN HUY	29/03/1989	14.557	1.200.000	0	1.200.000
466	HOÀNG NGỌC LAM	29/11/1992	14.560	1.200.000	0	1.200.000
467	TRƯƠNG THẾ TẤT NIÊN	20/09/1989	14.565	1.200.000	0	1.200.000
468	NGÔ THANH SÓNG	04/03/1989	14.568	1.200.000	0	1.200.000
469	LÊ HỮU LAM SƠN	06/08/1990	14.569	1.200.000	0	1.200.000
470	LƯU TUẤN LINH	01/05/1981	14.657	1.200.000	0	1.200.000
471	ĐẶNG THỊ KIM OANH	13/02/1991	14.658	1.200.000	0	1.200.000
472	ĐẶNG THỊ KIỀU OANH	06/04/1991	14.659	1.200.000	0	1.200.000
473	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	08/08/1990	14.670	1.200.000	0	1.200.000
474	NGUYỄN ANH DUY	14/10/1992	14.675	0	1.200.000	1.200.000
475	VÕ THỊ PHƯƠNG THANH	26/05/1986	14.715	1.200.000	0	1.200.000
476	PHẠM HOÀNG TRUNG	04/04/1977	14.725	1.200.000	0	1.200.000
477	NGUYỄN QUỐC VIỆT	16/07/1983	14.728	1.200.000	0	1.200.000
478	HOÀNG PHƯƠNG ANH	16/01/1991	14.801	1.200.000	0	1.200.000
479	TRẦN THỊ KIM DUNG	07/12/1993	14.805	1.200.000	0	1.200.000
480	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	19/04/1988	14.822	1.200.000	0	1.200.000
481	TRƯƠNG VĂN TUẤN	09/10/1988	14.836	1.200.000	0	1.200.000
482	NGUYỄN HÀ THANH VŨ	28/11/1992	14.840	1.200.000	0	1.200.000
483	LÊ NGỌC NAM	20/11/1991	14.955	1.200.000	0	1.200.000
484	BÊ ÍCH SỬ	10/07/1985	14.966	1.200.000	0	1.200.000
485	LÊ VĂN MAI	09/04/1972	15.000	1.200.000	0	1.200.000
486	NGUYỄN THỊ QUẾ ANH	08/11/1971	15.082	0	1.200.000	1.200.000
487	ĐOÀN ÚT BA	04/04/1987	15.084	1.200.000	0	1.200.000
488	MAI VĂN ĐÀM	01/02/1984	15.167	1.200.000	0	1.200.000
489	ĐỖ VĂN HÙNG	20/10/1970	15.181	1.200.000	0	1.200.000
490	NGUYỄN VĂN SĨ	27/07/1987	15.208	1.200.000	0	1.200.000
491	LÊ LÝ QUANG THỊNH	04/11/1993	15.216	1.200.000	0	1.200.000

U.A.  
HỘI  
LU  
TÒA

STT	Luật sư	Ngày sinh	Số thẻ luật sư	Phí thành viên năm 2024	Phí thành viên năm 2023	Tổng cộng
492	VŨ THỊ ANH THƯ	16/05/1993	15.218	1.200.000	0	1.200.000
493	TRẦN MINH TOÀN	28/08/1992	15.222	1.200.000	0	1.200.000
494	QUÁCH THỊ MAI TRÂM	20/08/1991	15.224	1.200.000	0	1.200.000
495	NGUYỄN CHÊ THANH TRÚC	11/07/1991	15.226	1.200.000	0	1.200.000
496	DƯƠNG TRỌNG ĐOÀN	20/10/1982	15.391	1.200.000	0	1.200.000
497	BÙI THANH HÀ	23/12/1990	15.394	1.200.000	0	1.200.000
498	NGUYỄN BÌNH HẬU	15/06/1966	15.396	1.200.000	0	1.200.000
499	TRỊNH NGỌC ANH KHÔI	13/01/1984	15.406	1.200.000	0	1.200.000
500	NGUYỄN NGỌC LÊ	28/07/1964	15.409	1.200.000	0	1.200.000
501	TRẦN KIỀU NHI	06/03/1987	15.426	1.200.000	0	1.200.000
502	ĐỖ THỊ MINH QUÝ	29/03/1992	15.433	1.200.000	0	1.200.000
503	TRỊNH THANH SƠN	27/06/1989	15.434	1.200.000	0	1.200.000
504	LÊ MINH THÁI	01/05/1991	15.435	1.200.000	0	1.200.000
505	TRỊNH ĐÌNH THÀNH	04/03/1992	15.437	1.200.000	0	1.200.000
506	TRẦN THỊ HỒNG CHÂU	20/05/1984	15.610	0	1.200.000	1.200.000
507	NGUYỄN THIÊN THANH ĐỨC	10/04/1992	15.616	1.200.000	0	1.200.000
508	VŨ THANH HẢI	09/04/1993	15.620	1.200.000	0	1.200.000
509	NGUYỄN TRUNG HUẤN	26/07/1988	15.622	1.200.000	0	1.200.000
510	LÊ HOÀNG NGỌC MAI	14/09/1992	15.637	0	1.200.000	1.200.000
511	NGUYỄN THỊ XUÂN PHƯỢNG	19/03/1982	15.651	1.200.000	0	1.200.000
512	LÊ THỊ THẠNH	15/02/1987	15.662	0	1.200.000	1.200.000
513	TRẦN PHƯƠNG THẢO	08/04/1992	15.663	1.200.000	0	1.200.000
514	ĐINH VĂN TỈNH	02/12/1991	15.673	600.000	600.000	1.200.000
515	PHAN NGUYỄN CẨM TÚ	10/05/1993	15.678	1.200.000	0	1.200.000
516	NGUYỄN VĂN DIỄN	05/05/1974	15.856	1.200.000	0	1.200.000
517	PHẠM NGỌC HÙNG	20/10/1991	15.882	1.200.000	0	1.200.000
518	LÊ THỊ NHƯ LINH	05/03/1987	15.891	1.200.000	0	1.200.000
519	ĐẶNG THỊ KIM OANH	17/09/1993	15.908	1.200.000	0	1.200.000
520	TRẦN THANH PHONG	15/07/1973	15.910	1.200.000	0	1.200.000
521	ĐỒNG KIM THƯƠNG	12/01/1980	15.930	0	1.200.000	1.200.000
522	NGUYỄN THỊ VIỆT TRÂM	17/07/1988	15.933	1.200.000	0	1.200.000
523	LÊ MINH TRUNG	25/09/1992	15.935	1.200.000	0	1.200.000
524	NGUYỄN THÀNH NHƠN	11/10/1966	16.036	1.200.000	0	1.200.000

STT	Luật sư	Ngày sinh	Số thẻ luật sư	Phí thành viên năm 2024	Phí thành viên năm 2023	Tổng cộng
525	NGUYỄN VŨ MINH NGUYỄN	08/09/1991	16.037	1.200.000	0	1.200.000
526	LƯU VĨNH TIẾN	12/06/1972	16.087	1.200.000	0	1.200.000
527	LÝ BẢO TRÂN	13/09/1993	16.094	1.200.000	0	1.200.000
528	BÙI ANH TÚ	29/07/1992	16.097	1.200.000	0	1.200.000
529	NGUYỄN THỊ NHƯỢC Ý	09/05/1992	16.109	1.200.000	0	1.200.000
530	ĐỖ THỊ HỒNG NGỌC	22/11/1993	16.114	1.200.000	0	1.200.000
531	TRẦN VĂN DƯƠNG	08/05/1989	16.131	1.200.000	0	1.200.000
532	THÁI THU ĐÀO	03/10/1993	16.132	1.200.000	0	1.200.000
533	PHẠM PHÚ HIỆP	29/08/1993	16.139	1.200.000	0	1.200.000
534	ĐẶNG THỊ HỒNG	01/09/1983	16.143	1.200.000	0	1.200.000
535	NGUYỄN TUẤN ANH	14/01/1978	16.251	1.200.000	0	1.200.000
536	ĐẶNG THỊ THU THỦY	21/04/1985	16.270	1.200.000	0	1.200.000
537	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	06/11/1985	16.279	1.200.000	0	1.200.000
538	HUỲNH THỊ BÍCH NGỌC	10/05/1990	16.319	1.200.000	0	1.200.000
539	ĐOÀN HỮU SƠN	05/05/1991	16.328	1.200.000	0	1.200.000
540	VŨ LONG	12/10/1983	16.565	0	1.200.000	1.200.000
541	ĐẶNG TUẤN HẢI	10/05/1985	16.670	1.200.000	0	1.200.000
542	ĐÀM HUY HÙNG	07/10/1984	16.685	1.200.000	0	1.200.000
543	NGUYỄN HỮU TÀI	06/01/1994	16.699	1.200.000	0	1.200.000
544	NGUYỄN THỊ NGỌC THOẠI	29/03/1994	16.713	1.200.000	0	1.200.000
545	PHAN VĂN LIỆT	20/01/1960	16.743	1.200.000	0	1.200.000
546	PHAN QUANG MINH	09/05/1987	16.746	1.200.000	0	1.200.000
547	VŨ VĂN TUẤN	05/08/1964	16.754	1.200.000	0	1.200.000
548	TRẦN THỊ KIM NGÂN	25/01/1994	16.770	1.200.000	0	1.200.000
549	NGUYỄN MINH NHƯ NGỌC	11/11/1991	16.772	0	1.200.000	1.200.000
550	THÁI NGỌC NHÂN	27/12/1984	16.774	1.200.000	0	1.200.000
551	HOÀNG CÔNG SƠN	24/08/1989	16.790	1.200.000	0	1.200.000
552	VÕ PHƯƠNG BÌNH	03/12/1978	16.890	1.200.000	0	1.200.000
553	TRẦN VIỆT HUY	08/01/1978	16.901	1.200.000	0	1.200.000
554	TRẦN HỮU LÂM	27/09/1992	16.908	1.200.000	0	1.200.000
555	NGUYỄN NGỌC TIẾN	23/08/1976	16.925	1.200.000	0	1.200.000
556	NGUYỄN HẢI NAM	06/10/1989	16.934	1.200.000	0	1.200.000
557	NGUYỄN THỊ NHƯ ANH	30/07/1991	17.088	1.200.000	0	1.200.000

STT	Luật sư	Ngày sinh	Số thẻ luật sư	Phí thành viên năm 2024	Phí thành viên năm 2023	Tổng cộng
558	NGUYỄN THÁI ANH	27/06/1987	17.090	1.200.000	0	1.200.000
559	NGUYỄN THỊ TÂN	20/10/1988	17.128	1.200.000	0	1.200.000
560	TRẦN LĂNG TĨNH	05/03/1988	17.135	1.200.000	0	1.200.000
561	PHAN LÊ KHÁNH VY	26/02/1994	17.140	1.200.000	0	1.200.000
562	TRẦN THỊ HẢI YẾN	26/08/1994	17.142	1.200.000	0	1.200.000
563	TRẦN THỊ CẨM YẾN	22/05/1980	17.143	1.200.000	0	1.200.000
564	ĐẶNG TRƯỜNG CHINH	02/08/1970	17.145	1.200.000	0	1.200.000
565	ĐỖ HOÀNG HẢO	03/06/1969	17.245	1.200.000	0	1.200.000
566	LÊ THỊ NGA	10/09/1992	17.247	1.200.000	0	1.200.000
567	NGUYỄN THANH SƠN	10/10/1960	17.250	1.200.000	0	1.200.000
568	ĐINH THỊ THU LAN	13/09/1991	17.270	1.200.000	0	1.200.000
569	NGUYỄN THÁI PHƯƠNG KHANH	01/07/1977	17.629	1.200.000	0	1.200.000
570	TÔ THỊ BÍCH LIÊN	02/02/1983	17.632	1.200.000	0	1.200.000
571	NGUYỄN VĂN SÁCH	01/01/1990	17.647	1.200.000	0	1.200.000
572	TRẦN HẢI YẾN	18/02/1992	17.665	1.200.000	0	1.200.000
573	NGUYỄN THỊ YẾN	10/03/1990	17.666	1.200.000	0	1.200.000
574	PHẠM TẤN HẢI	13/01/1985	17.740	1.200.000	0	1.200.000
575	TRẦN QUANG VŨ	17/08/1995	17.798	1.200.000	0	1.200.000
576	VÕ VĂN SƠN THẮT	01/01/1992	17.801	1.200.000	0	1.200.000
577	BÙI THU TRÀ	14/11/1995	17.805	1.200.000	0	1.200.000
578	VÕ NGUYỄN BẢO TRÂM	28/04/1992	17.808	1.200.000	0	1.200.000
579	NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO	15/11/1992	17.817	1.200.000	0	1.200.000
580	NGUYỄN THỊ NGỌC NGÀ	06/01/1986	17.833	1.200.000	0	1.200.000
581	HÀ LỮ CHÍ ĐẠT	16/10/1993	17.956	1.200.000	0	1.200.000
582	HOÀNG ĐỨC HẠNH	04/04/1985	17.960	1.200.000	0	1.200.000
583	MAI THỊ THANH HẰNG	01/12/1992	17.962	1.200.000	0	1.200.000
584	CÙ THỊ HƯƠNG DIỆU	16/11/1992	18.085	1.200.000	0	1.200.000
585	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	18/05/1992	18.086	600.000	600.000	1.200.000
586	CHẾ THỊ HÀ MY	17/01/1992	18.094	1.200.000	0	1.200.000
587	NGUYỄN MINH ANH	30/07/1978	18.115	1.200.000	0	1.200.000
588	LÊ THỊ BÍCH	04/04/1987	18.117	1.200.000	0	1.200.000
589	TRẦN NGỌC HIẾU	01/09/1960	18.236	1.200.000	0	1.200.000
590	LÊ VĂN QUANG	17/03/1969	18.248	1.200.000	0	1.200.000

STT	Luật sư	Ngày sinh	Số thẻ luật sư	Phí thành viên năm 2024	Phí thành viên năm 2023	Tổng cộng
591	PHAN VĂN HIỆP	19/12/1985	18.265	1.200.000	0	1.200.000
592	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	06/07/1993	18.302	1.200.000	0	1.200.000
593	NGUYỄN THỊ HOÀNG DIỆU	04/02/1994	18.316	1.200.000	0	1.200.000
594	TRẦN THÁI DUY	20/06/1993	18.317	1.200.000	0	1.200.000
595	TRIỆU VĂN HIẾU	19/04/1988	18.321	1.200.000	0	1.200.000
596	VŨ VĂN TƯỜNG	25/10/1982	18.342	1.200.000	0	1.200.000
597	NGUYỄN VĂN HUÂN	02/01/1987	18.493	0	1.200.000	1.200.000
598	NGUYỄN THỊ MINH LỢI	21/08/1995	18.589	1.200.000	0	1.200.000
599	NGUYỄN THỊ MINH TÂN	30/01/1972	18.700	1.200.000	0	1.200.000
600	NGÔ THỊ BÌNH QUYÊN	29/05/1988	18.702	1.200.000	0	1.200.000
601	CHÂU MINH TOÀN	01/01/1994	18.749	600.000	600.000	1.200.000
602	NGUYỄN THỊ TỐ TRINH	26/12/1994	18.795	600.000	600.000	1.200.000
603	TRẦN THỊ MINH YẾN	22/05/1966	18.796	1.200.000	0	1.200.000
604	LÊ THỊ THU HIỀN	04/11/1991	18.828	1.200.000	0	1.200.000
605	TRỊNH THỊ NHUNG	06/09/1990	18.850	1.200.000	0	1.200.000
606	ĐẶNG XUÂN ĐẠT	26/12/1996	18.987	1.200.000	0	1.200.000
607	LÊ THANH DUY	24/02/1996	19.007	1.200.000	0	1.200.000
608	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	29/03/1996	19.011	1.200.000	0	1.200.000
609	NGUYỄN BÁ QUYÊN	16/11/1994	19.100	1.200.000	0	1.200.000
610	LÊ THỊ TRANG	30/11/1986	19.103	1.200.000	0	1.200.000
611	BÙI THỊ TRANG	02/03/1992	19.115	1.200.000	0	1.200.000
612	ĐÔNG NỮ HOÀNG HƯƠNG	02/09/1996	19.151	1.200.000	0	1.200.000
613	NGUYỄN HYNOS	26/06/1979	19.183	1.200.000	0	1.200.000
614	VŨ DUY THỦY	13/08/1964	19.333	1.200.000	0	1.200.000
615	HUỶNH VĂN ĐI	18/01/1965	19.424	1.200.000	0	1.200.000
616	VŨ VĂN HÙNG	10/05/1995	19.449	1.200.000	0	1.200.000
617	BÙI VĂN LƯỢNG	20/08/1996	19.453	1.200.000	0	1.200.000
618	LÊ NGUYỄN MIÊN THẢO	06/11/1996	19.461	1.200.000	0	1.200.000
619	ĐINH THỊ HỒNG SA	23/09/1995	19.486	1.200.000	0	1.200.000
620	NGUYỄN HỮU SƠN	21/01/1992	19.487	1.200.000	0	1.200.000
621	ĐỖ THỊ HOÀI LÂM	20/07/1988	19.503	1.200.000	0	1.200.000
622	NGUYỄN THU THẢO	13/03/1992	19.514	1.200.000	0	1.200.000
623	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	03/07/1994	19.641	1.200.000	0	1.200.000

STT	Luật sư	Ngày sinh	Số thẻ luật sư	Phí thành viên năm 2024	Phí thành viên năm 2023	Tổng cộng
624	NGUYỄN QUỐC HÙNG	16/03/1963	19.697	1.200.000	0	1.200.000
625	CAO THỊ MINH HIỀN	07/05/1995	19.698	1.200.000	0	1.200.000
626	ĐÀO THỊ BÍCH TRÂM	07/07/1991	19.705	1.200.000	0	1.200.000
627	NGUYỄN THANH TRUYỀN	19/10/1971	19.757	1.200.000	0	1.200.000
628	TRẦN MINH SƠN	01/02/1962	19.819	1.200.000	0	1.200.000
629	HOÀNG THỊ MỸ HUYỀN	26/08/1995	19.846	1.200.000	0	1.200.000
630	NGUYỄN THỊ LỆ	20/01/1996	19.848	1.200.000	0	1.200.000
631	HỒ THANH THẢO	01/02/1992	19.866	1.200.000	0	1.200.000
632	NGUYỄN VĂN THUẬN	15/09/1966	20.031	1.200.000	0	1.200.000
633	ĐÀO HỒNG THANH LONG	25/03/1990	20.186	1.200.000	0	1.200.000
634	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	06/02/1993	20.240	1.200.000	0	1.200.000
635	NGÔ PHƯƠNG ANH	26/12/1995	20.294	1.200.000	0	1.200.000
636	HỒ XUÂN DŨNG	19/12/1977	20.296	1.200.000	0	1.200.000
637	LƯƠNG THỊ KIM CƯƠNG	27/05/1991	20.412	1.200.000	0	1.200.000
638	NGÔ VŨ VÂN HÀ	02/09/1982	20.424	1.200.000	0	1.200.000
639	PHAN THỊ HẰNG	27/02/1996	20.428	1.200.000	0	1.200.000
640	TRẦN TẤN HÙNG	01/02/1996	20.438	1.200.000	0	1.200.000
641	LÊ XUÂN LỘC	12/12/1976	20.444	1.200.000	0	1.200.000
642	NGUYỄN THỊ THANH THU	26/12/1991	20.483	1.200.000	0	1.200.000
643	TRƯƠNG THỊ THANH THÚY	10/11/1995	20.485	1.200.000	0	1.200.000
644	TRẦN THỊ MỸ THƯƠNG	13/02/1996	20.487	1.200.000	0	1.200.000
645	NGUYỄN QUỐC VIỆT	02/09/1994	20.510	1.200.000	0	1.200.000
646	NGUYỄN THỊ XUÂN LY	21/08/1991	20.568	1.200.000	0	1.200.000
647	NGUYỄN LÊ THẢO NHƯ	17/12/1996	20.581	1.200.000	0	1.200.000
648	NGUYỄN PHƯƠNG QUANG	21/08/1996	20.589	1.200.000	0	1.200.000
649	LÊ THỊ THANH THẢO	10/08/1990	20.606	1.200.000	0	1.200.000
650	NGUYỄN THỊ LIÊN	17/09/1991	20.611	1.200.000	0	1.200.000
651	LÝ THỊ MỸ HIỆP	14/12/1983	20.622	1.200.000	0	1.200.000
652	NGUYỄN VĂN HIẾU	01/05/1973	20.643	1.200.000	0	1.200.000
653	LÂM THỊ HẢI	11/05/1978	20.653	1.200.000	0	1.200.000
654	ĐỖ MINH HÙNG	22/06/1994	20.655	1.200.000	0	1.200.000
655	NGUYỄN THỊ DIỆU HIỀN	08/08/1992	20.717	1.200.000	0	1.200.000
656	LƯU ĐỨC TIN	01/11/1994	20.721	1.200.000	0	1.200.000

STT	Luật sư	Ngày sinh	Số thẻ luật sư	Phí thành viên năm 2024	Phí thành viên năm 2023	Tổng cộng
657	NGUYỄN VĂN ĐẠT	08/09/1977	20.726	1.200.000	0	1.200.000
658	NGUYỄN THỊ HUYỀN LINH	13/02/1994	20.734	1.200.000	0	1.200.000
659	NGUYỄN NGÔ HÙNG MẠNH	06/09/1993	20.735	1.200.000	0	1.200.000
660	LÊ THỊ THANH NHÀN	03/12/1978	20.736	1.200.000	0	1.200.000
661	TRẦN THỊ OANH	07/07/1995	20.738	1.200.000	0	1.200.000
<b>Tổng cộng :</b>				<b>726.000.000</b>	<b>72.200.000</b>	<b>798.200.000</b>

(Bằng chữ: Bảy trăm chín mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng chẵn)

Người lập biểu



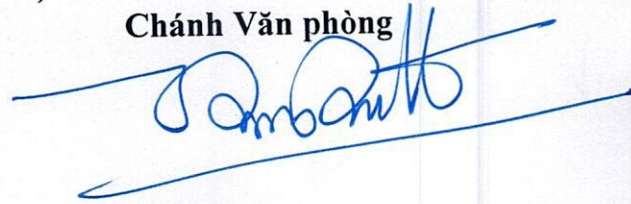
Nguyễn Thị Bích

Phụ trách kế toán



Phạm Thanh Xuân

Chánh Văn phòng



Nguyễn Xuân Anh

VIẾT